

Số: 336/BC-UBND

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình áp dụng, duy trì Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đồng Tháp năm 2022

Thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước (gọi tắt là ISO hành chính công), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Tháp báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn Tỉnh năm 2022 như sau:

1. Kết quả áp dụng duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

1.1. Công tác triển khai

Ban hành Kế hoạch số 326/KH-UBND ngày 03/02/2021 về việc duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đồng Tháp năm 2022, với tổng kinh phí là 2.620 triệu đồng, bao gồm phí duy trì, quản lý giám sát và đào tạo.

Căn cứ Kế hoạch của UBND Tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch số 70/KH-SKHCN ngày 13/01/2022 về việc đào tạo hướng dẫn áp dụng, cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2022 và Kế hoạch số 69/KH-SKHCN ngày 13/01/2022 về kiểm tra hoạt động áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2022.

1.2. Kết quả (xem phụ lục đính kèm)

Tổng số cơ quan áp dụng năm 2022: 148 đơn vị (giảm 02 đơn vị so với năm 2021 do sáp nhập), cụ thể:

- Cơ quan cấp sở, ngành Tỉnh: 20 đơn vị.
- Cơ quan chuyên môn thuộc sở, ngành Tỉnh: 08 đơn vị.
- UBND cấp huyện: 12 đơn vị.
- UBND cấp xã: 108 đơn vị.

2. Đánh giá nhận xét

2.1. Hiệu quả của việc áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Việc triển khai áp dụng ISO hành chính công trên địa bàn Tỉnh trong thời gian qua đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực như: bảo đảm các quy trình giải quyết thủ tục hành chính đúng trình tự, thời gian, công khai, minh bạch, giảm chi phí, phiền hà cho người dân, tổ chức; hình thành các quy trình giải quyết công việc khoa học, đơn giản hóa quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết công việc, giảm các tác động tiêu cực trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức.

Hoạt động quản lý tài liệu, hồ sơ được thực hiện nền nếp, khoa học, công tác bảo mật các tài liệu quan trọng được chú trọng, thực hiện tốt và đúng quy định. Nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ, công chức; giúp lãnh đạo quản lý, điều hành và giám sát quá trình xử lý công việc hiệu quả hơn, hạn chế sai sót, trả kết quả xử lý đúng và trước thời gian.

2.2. Tình hình xử lý vi phạm

Tổ kiểm tra ISO hành chính công hướng dẫn việc lập kế hoạch và thực hiện duy trì cải tiến HTQLCL tại các cơ quan, đơn vị đang áp dụng, đến nay chưa có trường hợp phải xử lý vi phạm.

2.3. Nhận xét về hoạt động tư vấn ISO hành chính công

Năm 2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Công ty Tư vấn Quản lý và Phát triển Doanh nghiệp Á Châu (AHEAD) (do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định) đủ điều kiện tư vấn và đào tạo nhận thức chung và đánh giá nội bộ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho hơn 450 học viên là đại diện chất lượng và thư ký ISO của 148 đơn vị hành chính đang áp dụng và được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo cho học viên đạt yêu cầu.

2.4. Những thuận lợi, khó khăn và vấn đề tồn tại trong việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị, phân tích nguyên nhân

2.4.1. Về thuận lợi:

** Đối với các cơ quan đang áp dụng HTQLCL*

- Lãnh đạo một số cơ quan quan tâm chỉ đạo các cá nhân có liên quan trong quá trình áp dụng ISO hành chính công thông qua ban điều hành ISO và phân công Lãnh đạo đơn vị kiểm tra và giám sát việc thực hiện của cán bộ, công chức trong việc áp dụng HTQLCL. Phổ biến hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL để triển khai thực hiện.

- Tuân thủ đối với các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 như: Thành lập Ban chỉ đạo ISO, ban hành chính sách chất lượng, các quy trình bắt buộc, các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) để áp dụng và thực hiện trong giải quyết công việc tại đơn vị.

- Thực hiện hoạt động đánh giá nội bộ ít nhất 01 lần/năm, khắc phục những điểm chưa phù hợp được phát hiện trong quá trình đánh giá nội bộ. Các đơn vị có công bố lại HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và có niêm yết và thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp.

- Có cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL.

** Đối với đơn vị chủ trì*

UBND Tỉnh đã giao Sở Khoa học và Công nghệ chỉ đạo đơn vị chuyên môn trực tiếp đến các huyện, thành phố hướng dẫn cụ thể cách thức vận hành, đánh giá nội bộ, khắc phục các điểm chưa phù hợp và cập nhật văn bản mới vào hệ thống cho tất cả cơ quan, đơn vị đang áp dụng.

2.4.2. Về khó khăn, hạn chế, nguyên nhân:

** Đối với cơ quan áp dụng*

- Một số cơ quan hành chính chưa kịp thời công bố lại HTQLCL khi phạm vi áp dụng đã thay đổi, có ban hành hệ thống tài liệu, quy trình ISO giải quyết TTHC nhưng chưa đảm bảo theo quy định.

- Việc vận hành HTQLCL đa số giao cho thư ký ISO thực hiện nên khi có sự thay đổi thư ký ISO đơn vị gặp khó khăn trong việc tham mưu lãnh đạo vận hành hệ thống, chưa phân công trách nhiệm cho công chức chuyên môn trực tiếp thực hiện. Việc lập kế hoạch và thực hiện đánh giá nội bộ hàng năm còn lúng túng. Việc báo cáo kết quả thực hiện chưa đầy đủ theo nội dung hướng dẫn trong đề cương báo cáo của đơn vị chủ trì.

- Nguyên nhân: do lãnh đạo các cơ quan, đơn vị này chưa thực sự quan tâm, nhận thức chưa thấu đáo về hiệu quả của ISO hành chính công nên chưa tập trung chỉ đạo; cán bộ phụ trách thư ký ISO tại một số cơ quan, đơn vị và TTHC thường xuyên thay đổi nên việc cập nhật hệ thống tài liệu cũng như việc báo cáo kết quả thực hiện còn chậm.

** Đối với đơn vị chủ trì*

Các thành viên Tổ kiểm tra ISO hành chính công do thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn nên chưa đủ thời gian để kịp thời hỗ trợ cơ quan áp dụng, mặt khác một số đơn vị áp dụng khi gặp khó khăn chưa kịp thời liên hệ để được đơn vị chủ trì hỗ trợ.

2.5. Về tình hình kiểm tra hoạt động áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan, đơn vị (chi tiết xem phụ lục kèm theo)

Trong tổng số 148 cơ quan, đơn vị, Tổ Kiểm tra trực tiếp tại 45 đơn vị, kiểm tra gián tiếp thông qua báo cáo kết quả thực hiện 103 đơn vị.

- Kết quả: Đa số các cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng quy định như: báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, công bố phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, đánh giá chất lượng nội bộ, cập nhật thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

+ Có 148/148 cơ quan/đơn vị có kết quả kiểm tra đáp ứng yêu cầu như: nộp báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg (có bằng chứng về hồ sơ đánh giá nội bộ, cập nhật thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng quy trình ISO cho các TTHC...), gửi bản công bố cho đơn vị chủ trì tổng hợp.

3. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hội nghị, hội thảo đánh giá tình hình thực hiện HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với cơ quan hành chính trong thời gian qua, và giới thiệu những địa phương thực hiện tốt để Tỉnh nghiên cứu áp dụng trên địa bàn.

Trên đây là Báo cáo Tình hình áp dụng, duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đồng Tháp năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp kính gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- CT và PCT/UBND Tỉnh;
- Các Sở: KH-CN; NV; TC;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- UBND huyện, tp;
- TTKSTTHC&PVHCC;
- Lưu VT, NC/KT (VA).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 TẠI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2022
của UBND tỉnh Đồng Tháp)

| STT | Tên cơ quan | Số lượng thủ tục hành chính đã xây dựng và áp dụng HTQLCL | Tình hình công bố phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 | | Kết quả kiểm tra | | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------|------|------------|
| | | | Công bố lại HTQLCL | | Đáp ứng yêu cầu | | |
| | | | Có | Chưa | Có | Chưa | |
| | I. Sở, ban, ngành Tỉnh | | | | | | |
| 01 | VP UBND Tỉnh | 297 | x | | x | | |
| 02 | Sở Xây dựng | 34 | x | | x | | |
| 03 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 111 | x | | x | | |
| 04 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 89 | x | | x | | |
| 05 | Sở Khoa học và Công nghệ | 28 | x | | x | | |
| 06 | Sở Tài Chính | 44 | x | | x | | |
| 07 | Sở Tư Pháp | 148 | x | | x | | |
| 08 | Sở Nội vụ | 94 | x | | x | | |
| 09 | Sở Ngoại vụ | 3 | x | | x | | |
| 10 | Sở Nông nghiệp và PTNT | 03 | x | | x | | |
| 11 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | 157 | x | | x | | |
| 12 | Sở Giao thông - Vận tải | 122 | x | | x | | |
| 13 | Sở Y Tế | 116 | x | | x | | |
| 14 | Sở Công Thương | 115 | x | | x | | |
| 15 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 51 | x | | x | | |
| 16 | Sở Thông tin - Truyền thông | 43 | x | | x | | |
| 17 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 118 | x | | x | | |
| 18 | Cục thuế Tỉnh | 166 | x | | x | | |
| 19 | Thanh tra Tỉnh | 09 | x | | x | | |
| 20 | Ban Quản lý Khu kinh tế | 30 | x | | x | | |
| | II. Các đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành | | | | | | |

| STT | Tên cơ quan | Số lượng thủ tục hành chính đã xây dựng và áp dụng HTQLCL | Tình hình công bố phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 | | Kết quả kiểm tra | | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------|------|------------|
| | | | Công bố lại HTQLCL | | Đáp ứng yêu cầu | | |
| | | | Có | Chưa | Có | Chưa | |
| 21 | Chi cục Thủy lợi | 22 | x | | x | | |
| 22 | Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản | 47 | x | | x | | |
| 23 | Chi cục Phát triển Nông thôn | 05 | x | | x | | |
| 24 | Chi cục Dân số - KHHGD | 00 | x | | x | | |
| 25 | Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm | 4 | x | | x | | |
| 26 | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | 17 | x | | x | | |
| 27 | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | 12 | x | | x | | |
| 28 | Chi cục Kiểm Lâm | 17 | x | | x | | |
| | III. UBND huyện, thị xã, thành phố | | | | | | |
| | - Thành phố Cao Lãnh | | | | | | |
| 29 | UBND thành phố Cao Lãnh | 258 | x | | x | | |
| 30 | UBND Phường 1 | 151 | x | | x | | |
| 31 | UBND Phường 2 | 151 | x | | x | | |
| 32 | UBND xã Hòa An | 165 | x | | x | | |
| 33 | UBND xã Tân Thuận Đông | 138 | x | | x | | |
| 34 | UBND phường 3 | 151 | x | | x | | |
| 35 | UBND phường 4 | 173 | x | | x | | |
| 36 | UBND phường 11 | 152 | x | | x | | |
| 37 | UBND phường Mỹ Phú | 152 | x | | x | | |
| 38 | UBND xã Mỹ Tân | 138 | x | | x | | |
| 39 | UBND xã Tân Thuận Tây | 144 | x | | x | | |
| 40 | UBND xã Tịnh Thới | 153 | x | | x | | |
| | - Thành phố xã Sa Đéc | | | | | | |
| 41 | UBND Thành phố Sa Đéc | 259 | x | | x | | |
| 42 | UBND Phường 2 | 143 | x | | x | | |
| 43 | UBND Phường Tân Qui Đông | 150 | x | | x | | |
| 44 | UBND xã Tân Khánh Đông | 147 | x | | x | | |
| 45 | UBND xã Tân Qui Tây | 136 | x | | x | | |
| 46 | UBND xã Tân Phú Đông | 132 | x | | x | | |
| 47 | UBND Phường 1 | 129 | x | | x | | |
| 48 | UBND Phường 3 | 144 | x | | x | | |

| STT | Tên cơ quan | Số lượng thủ tục hành chính đã xây dựng và áp dụng HTQLCL | Tình hình công bố phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 | | Kết quả kiểm tra | | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------|------|------------|
| | | | Công bố lại HTQLCL | | Đáp ứng yêu cầu | | |
| | | | Có | Chưa | Có | Chưa | |
| 49 | UBND Phường An Hoà | 143 | x | | x | | |
| | - Thành phố Hồng Ngự | | | | | | |
| 50 | UBND Thành phố Hồng Ngự | 259 | x | | x | | |
| 51 | UBND Phường An Lộc | 160 | x | | x | | |
| 52 | UBND xã An Bình A | 149 | x | | x | | |
| 53 | UBND xã An Bình B | 152 | x | | x | | |
| 54 | UBND xã Tân Hội | 154 | x | | x | | |
| 55 | UBND phường An Lạc | 146 | x | | x | | |
| 56 | UBND Phường An Thạnh | 150 | x | | x | | |
| | - Huyện Hồng Ngự | | | | | | |
| 57 | UBND huyện Hồng Ngự | 244 | x | | x | | |
| 58 | UBND Thị trấn Thường Thới Tiền | 150 | x | | x | | |
| 59 | UBND xã Thường Phước 2 | 141 | x | | x | | |
| 60 | UBND xã Long Thuận | 140 | x | | x | | |
| 61 | UBND xã Thường Phước 1 | 140 | x | | x | | |
| 62 | UBND xã Thường Lạc | 152 | x | | x | | |
| 63 | UBND xã Phú Thuận A | 143 | x | | x | | |
| 64 | UBND xã Phú Thuận B | 148 | x | | x | | |
| 65 | UBND xã Long Khánh A | 148 | x | | x | | |
| 66 | UBND xã Long Khánh B | 147 | x | | x | | |
| | - Huyện Tân Hồng | | | | | | |
| 67 | UBND Huyện Tân Hồng | 259 | x | | x | | |
| 68 | UBND Thị trấn Sa Rài | 1549 | x | | x | | |
| 69 | UBND xã Tân Công Chí | 157 | x | | x | | |
| 70 | UBND xã Bình Phú | 149 | x | | x | | |
| 71 | UBND xã Tân Hộ Cơ | 149 | x | | x | | |
| 72 | UBND xã An Phước | 148 | x | | x | | |
| 73 | UBND xã Tân Thành B | 149 | x | | x | | |
| | - Huyện Tam Nông | | | | | | |
| 74 | UBND huyện Tam Nông | 259 | x | | x | | |
| 75 | UBND Thị trấn Tràm Chim | 150 | x | | x | | |
| 76 | UBND xã Phú Cường | 150 | x | | x | | |
| 77 | UBND xã An Hòa | 149 | x | | x | | |

| STT | Tên cơ quan | Số lượng thủ tục hành chính đã xây dựng và áp dụng HTQLCL | Tình hình công bố phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 | | Kết quả kiểm tra | | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------|------|------------|
| | | | Công bố lại HTQLCL | | Đáp ứng yêu cầu | | |
| | | | Có | Chưa | Có | Chưa | |
| 78 | UBND xã Hoà Bình | 149 | x | | x | | |
| 79 | UBND xã Phú Thọ | 150 | x | | x | | |
| 80 | UBND xã Phú Đức | 149 | x | | x | | |
| 81 | UBND xã An Long | 150 | x | | x | | |
| 82 | UBND xã Phú Ninh | 159 | x | | x | | |
| | - Huyện Thanh Bình | | | | | | |
| 83 | UBND huyện Thanh Bình | 259 | x | | x | | |
| 84 | UBND Thị trấn Thanh Bình | 149 | x | | x | | |
| 85 | UBND xã Tân Bình | 157 | x | | x | | |
| 86 | UBND xã Bình Thành | 149 | x | | x | | |
| 87 | UBND xã Bình Tấn | 155 | x | | x | | |
| 88 | UBND xã Tân Mỹ | 149 | x | | x | | |
| 89 | UBND xã Tân Phú | 144 | x | | x | | |
| 90 | UBND xã Tân Thạnh | 149 | x | | x | | |
| 91 | UBND xã Tân Long | 149 | x | | x | | |
| 92 | UBND xã Tân Huệ | 144 | x | | x | | |
| | - Huyện Cao Lãnh | | | | | | |
| 93 | UBND huyện Cao Lãnh | 258 | x | | x | | |
| 94 | UBND Thị trấn Mỹ Thọ | 149 | x | | x | | |
| 95 | UBND xã Bình Thạnh | 146 | x | | x | | |
| 96 | UBND xã Mỹ Thọ | 149 | x | | x | | |
| 97 | UBND xã Gáo Giồng | 144 | x | | x | | |
| 98 | UBND xã Tân Nghĩa | 147 | x | | x | | |
| 99 | UBND xã An Bình | 149 | x | | x | | |
| 100 | UBND xã Mỹ Xương | 149 | x | | x | | |
| 101 | UBND xã Mỹ Hội | 149 | x | | x | | |
| 102 | UBND xã Phong Mỹ | 149 | x | | x | | |
| 103 | UBND xã Tân Hội Trung | 149 | x | | x | | |
| 104 | UBND xã Bình Hàng Trung | 149 | x | | x | | |
| 105 | UBND xã Bình Hàng Tây | 143 | x | | x | | |
| 106 | UBND xã Mỹ Long | 149 | x | | x | | |
| | - Huyện Lấp Vò | | | | | | |
| 107 | UBND huyện Lấp Vò | 246 | x | | x | | |
| 108 | UBND Thị trấn Lấp Vò | 149 | x | | x | | |

| STT | Tên cơ quan | Số lượng thủ tục hành chính đã xây dựng và áp dụng HTQLCL | Tình hình công bố phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 | | Kết quả kiểm tra | | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------|------|------------|
| | | | Công bố lại HTQLCL | | Đáp ứng yêu cầu | | |
| | | | Có | Chưa | Có | Chưa | |
| 109 | UBND xã Định Yên | 157 | x | | x | | |
| 110 | UBND xã Bình Thành | 157 | x | | x | | |
| 111 | UBND xã Vĩnh Thạnh | 147 | x | | x | | |
| 112 | UBND xã Long Hưng B | 147 | x | | x | | |
| 113 | UBND xã Tân Mỹ | 137 | x | | x | | |
| 114 | UBND xã Hội An Đông | 149 | x | | x | | |
| 115 | UBND xã Bình Thạnh Trung | 149 | x | | x | | |
| 116 | UBND xã Tân Khánh Trung | 146 | x | | x | | |
| | - Huyện Lai Vung | | | | | | |
| 117 | UBND huyện Lai Vung | 196 | x | | x | | |
| 118 | UBND Thị trấn Lai Vung | 149 | x | | x | | |
| 119 | UBND xã Long Thắng | 147 | x | | x | | |
| 120 | UBND xã Tân Thành | 145 | x | | x | | |
| 121 | UBND xã Hòa Long | 147 | x | | x | | |
| 122 | UBND xã Vĩnh Thới | 152 | x | | x | | |
| 123 | UBND xã Tân Dương | 147 | x | | x | | |
| 124 | UBND xã Hòa Thành | 147 | x | | x | | |
| 125 | UBND xã Tân Phước | 147 | x | | x | | |
| 126 | UBND xã Long Hậu | 147 | x | | x | | |
| | - Huyện Châu Thành | | | | | | |
| 127 | UBND huyện Châu Thành | 261 | x | | x | | |
| 128 | UBND Thị trấn Cái Tàu Hạ | 144 | x | | x | | |
| 129 | UBND xã An Phú Thuận | 169 | x | | x | | |
| 130 | UBND xã Tân Nhuận Đông | 145 | x | | x | | |
| 131 | UBND xã An Khánh | 179 | x | | x | | |
| 132 | UBND xã An Hiệp | 146 | x | | x | | |
| 133 | UBND xã Tân Bình | 157 | x | | x | | |
| 134 | UBND xã Phú Long | 145 | x | | x | | |
| 135 | UBND xã Tân Phú | 146 | x | | x | | |
| 136 | UBND xã An Nhơn | 146 | x | | x | | |
| 137 | UBND xã Tân Phú Trung | 146 | x | | x | | |
| 1 | - Huyện Tháp Mười | | | | | | |
| 138 | UBND huyện Tháp Mười | 269 | x | | x | | |
| 139 | UBND Thị trấn Mỹ An | 138 | x | | x | | |

| STT | Tên cơ quan | Số lượng thủ tục hành chính đã xây dựng và áp dụng HTQLCL | Tình hình công bố phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 | | Kết quả kiểm tra | | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------|------|------------|
| | | | Công bố lại HTQLCL | | Đáp ứng yêu cầu | | |
| | | | Có | Chưa | Có | Chưa | |
| 140 | UBND xã Thanh Mỹ | 157 | x | | x | | |
| 141 | UBND xã Mỹ Đông | 157 | x | | x | | |
| 142 | UBND xã Đốc Bình Kiều | 157 | x | | x | | |
| 143 | UBND xã Trường Xuân | 157 | x | | x | | |
| 144 | UBND xã Mỹ Quý | 146 | x | | x | | |
| 145 | UBND xã Mỹ An | 149 | x | | x | | |
| 146 | UBND xã Phú Điền | 157 | x | | x | | |
| 147 | UBND xã Mỹ Hoà | 157 | x | | x | | |
| 148 | UBND xã Tân Kiều | 146 | x | | x | | |
| | Tổng cộng | | | | 148 | | |

Ghi chú:

- Năm 2022 có 02 đơn vị cấp Chi cục thuộc Sở sáp nhập vào HTQLCL của Sở (Chi cục Bảo vệ Môi trường và Chi cục Quản lý đất đai sáp nhập vào Sở Tài nguyên và Môi trường).
- Có **148/148** cơ quan có thực hiện duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại đơn vị.
- Có **01** cơ quan không có thủ tục hành chính là Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình.